

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA VÌ - TP. HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **55** /2021/ HNGĐ-ST

Ngày 24/02/2021

V/v: “*Ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ - TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Thu Hương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Trình**

2. Ông **Phan Văn Vinh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quyên** - Thư ký Tòa án nhân huyện Ba Vì

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Anh** - Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2021 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 560/2020/TLST- HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXX-ST ngày 18 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐHPT ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn TN, xã LP, huyện HĐ, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Anh **Trần Anh P**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn PT, xã PC, huyện BV, thành phố Hà Nội

(*chị Đ có mặt tại phiên tòa, anh P vắng mặt lần thứ 2*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nguyễn Thị Đ trình bày: chị Nguyễn Thị Đ kết hôn hợp pháp với anh Trần Anh P trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LP, huyện HĐ, thành phố Hà Nội ngày 19/5/2004.

Sau khi tổ chức kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không có sự chia sẻ, cảm thông, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng ly thân từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay. Nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh P.

Tại bản tự khai của anh Trần Anh P trình bày: Anh Trần Anh P có kết hôn với chị Nguyễn Thị Đ trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LP, huyện HĐ, thành phố Hà Nội ngày 19/5/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nếu chị Đ kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung : chị Nguyễn Thị Đ và anh Trần Anh P đều thừa nhận có 02 con chung là: Trần Tuấn A, sinh ngày 22/5/2005 và Trần Thanh T, sinh ngày 25/8/2006. Hiện nay 2 cháu đang ở với chị Đ. Quan điểm của chị Đ xin được nuôi 2 cháu và không yêu cầu anh P phải trợ cấp nuôi con chung. Quan điểm của anh P để theo nguyện vọng của các cháu.

Về tài sản chung, công sức: chị Đ, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng, nợ chung: chị Đ, anh P không có.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Trần Anh P tiến hành mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với anh Trần Anh P, anh P đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không chấp hành pháp luật, vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn anh Trần Anh P. Về con chung: có 02 con chung là: Trần Tuấn A, sinh ngày 22/5/2005 và Trần Thanh T, sinh ngày 25/8/2006. Hiện nay 2 cháu đang ở với chị Đ. Quan điểm của chị Đ xin được nuôi 2 cháu và không yêu cầu anh P phải trợ cấp nuôi con chung. Về tài sản chung, công sức: chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản riêng, nợ chung: không có. Tại phiên tòa hôm nay anh Trần Anh P vắng mặt không có lý do.

***Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Các Hội thẩm nhân dân đều thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật; Hồ sơ đã làm đầy đủ các quy định theo bộ luật tố tụng dân sự; Viện kiểm sát không có ý kiến gì.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX: chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ đối với anh Trần Anh P.

Áp dụng điều 56,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ, cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Trần Anh P. Về con chung: có 02 con chung là: Trần Tuấn A, sinh ngày 22/5/2005 và Trần Thanh T, sinh ngày 25/8/2006. Giao cho chị Đ được nuôi 2 Cháu A và Thảo và không yêu cầu anh P phải trợ cấp nuôi con chung. Về tài sản chung, công sức: chị Đ, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản riêng, nợ chung: không có. *Về án phí: chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Đ khởi kiện xin ly hôn anh Trần Anh P nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn PT, xã PC, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, việc Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

2.Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Trần Anh P là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị Đ và anh P về chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay. Nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn anh Trần Anh P. Tại bản tự khai anh P xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nếu chị Đ kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Trần Anh P.

3. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Trần Anh P có 2 con chung là cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 22/5/2005 và Trần Thanh T, sinh ngày 25/8/2006. Nguyên vọng của chị Đ xin được nuôi 2 cháu, nguyên vọng của anh P để theo nguyên vọng 2 cháu, theo nguyên vọng của Cháu A và cháu T xin được ở với chị Đ. Xét yêu cầu của chị Đ là có căn cứ, nguyên vọng của 2 cháu xin được ở với chị Đ để đảm bảo tốt các điều kiện về vật chất, thời gian và chỗ ở cho 2 cháu phát triển bình thường, bản thân 2 cháu có nguyên vọng xin được ở với chị Đ, nên cần thiết chấp nhận yêu cầu của chị Đ: Giao 2 cháu Trần Tuấn A và Trần Thanh T cho chị Nguyễn Thị Đ được chăm sóc nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đ không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của chị Đ, nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Anh P đến khi chị Nguyễn Thị Đ có yêu cầu và anh P có điều kiện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là đúng theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Anh P được quyền qua lại, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

4. Về tài sản chung, công sức đóng góp: Anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét.

5. Tài sản riêng, công nợ: Anh chị thừa nhận không có. Do vậy, HĐXX không xem xét.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 69, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 227, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 26/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ đối với anh Trần Anh P về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Trần Anh P.

- *Về con chung:* có 02 con chung là: Trần Tuấn A, sinh ngày 22/5/2005 và Trần Thanh T, sinh ngày 25/8/2006. Giao 2 cháu Trần Tuấn A và cháu Trần Thanh T cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi 2 cháu đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Anh P đến khi chị Nguyễn Thị Đ có yêu cầu và anh P có điều kiện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Anh Trần Anh P được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công sức đóng góp: Anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản riêng, nợ chung: không có.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chị Đ đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00508 ngày 18/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì nay được khấu trừ vào số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Đ phải nộp.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 228, điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Án hôn nhân gia đình sơ thẩm xét xử công khai, chị Nguyễn Thị Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần

Anh P được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKSND huyện
- UBND xã LP
- Người tham gia tố tụng
- THA dân sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ngô Thị Thu Hường